

Ngành: Sản xuất thép

Ngày 27/05/2016

CTCP Tập đoàn Thép Tiến Lên (Mã cổ phiếu: TLH)
Khuyến nghị: Mua

 Giá thị trường
(25/05/2016): 8.300

Giá kỳ vọng (VND): 11.000

Lợi nhuận kỳ vọng: 33%

Khuyến nghị:

TLH hiện đang giao dịch ở mức giá 8.300 đồng/cổ phiếu, tương ứng với mức P/E và P/B lần lượt là n/a lần và 0,74 lần. Chúng tôi tiến hành định giá cổ phiếu TLH dựa trên phương pháp định giá thông dụng là phương pháp chiết khấu dòng tiền, chúng tôi cho rằng giá hợp lý cho TLH là 11.000 đồng/cp, cao hơn 33% so với giá thị trường. Khuyến nghị: Mua. Tầm nhìn đầu tư 1 năm.

Điểm nổi bật:

- **Doanh thu tăng khá.** Q1/2016, doanh thu thuần (DTT) của TLH đạt 1.008,5 tỷ đồng (+21,8% so với cùng kỳ), đạt 25,2% kế hoạch năm (4.000 tỷ đồng).
- **Biên lợi nhuận gộp tăng mạnh.** Biên lợi nhuận gộp (Biên LNG) ở mức 12,9% (+227,9% so với cùng kỳ).
- **Doanh thu hoạt động tài chính giảm nhẹ.** Doanh thu hoạt động tài chính ở mức 1,5 tỷ đồng (-54,5% so với cùng kỳ).
- **Chi phí tài chính giảm khá.** Chi phí tài chính ở mức 13 tỷ đồng (-36% so với cùng kỳ), trong đó chủ yếu là chi phí lãi vay. Chi phí bán hàng ở mức 10,2 tỷ đồng (+18,6% so với cùng kỳ). Chi phí quản lý doanh nghiệp ở mức 7,5 tỷ đồng (-5,1% so với cùng kỳ).
- **Lợi nhuận tăng mạnh.** Lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 107,1 tỷ đồng (+1.920,8% so với cùng kỳ), đạt 27,8% kế hoạch năm (384,62 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 103,9 tỷ đồng (+3.048,5% so với cùng kỳ), đạt 35% kế hoạch năm (300 tỷ đồng).
- EPS Q1/2016 đạt 1.249 đồng/cổ phiếu.

Nhận định: Lợi nhuận Q1/2016 của TLH tăng trưởng mạnh nhờ vào doanh thu tăng khá và biên lợi nhuận gộp tăng mạnh. Bên cạnh đó, chi phí tài chính giảm khá và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm nhẹ. Điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của TLH tiếp tục được cải thiện.

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	Q1/2016	Q1/2015	Tăng trưởng	Kế hoạch năm
Doanh thu thuần	1.008,5	827,9	21,8%	25,2%
Lợi nhuận trước thuế	107,1	5,3	1920,8%	27,8%
Lợi nhuận sau thuế	103,9	3,3	3048,5%	34,6%
Lợi nhuận gộp biên	12,9%	3,9%	227,9%	n/a
EPS	1.249,0	39,7	3048,5%	n/a

Thông tin cổ phần:

Sàn giao dịch: HSX

Khoảng giá 52 tuần (VND): 2.900 - 11.000

EPS 4 quý gần nhất (VND): n/a

P/E cơ bản: n/a

Giá trị sổ sách (VND): 11.199

P/B: 0,74

KLGD bình quân 10 ngày: 2.000.000

KLCP niêm yết 83.185.564

Vốn hóa (Tỷ đồng): 690,44

Cơ cấu sở hữu

Sở hữu Tỷ lệ

Sở hữu nhà nước 0,00%

Sở hữu nước ngoài 0,87%

Sở hữu khác 99,13%

Danh sách cổ đông

Cổ đông lớn Tỷ lệ

Nguyễn Mạnh Hà 19,87%

Phạm Thị Hồng 11,53%

Nguyễn Văn Quang 9,59%

Khái niệm

Mức kháng cự

là mức giá A mà tại đó sự phản ứng của mức cung trên thị trường đủ sức kháng cự trước mức cầu và khiến cho giá hàng hóa giảm trở lại.

Mức hỗ trợ

là mức giá B mà tại đó sự phản ứng mức cầu trên thị trường đủ sức hỗ trợ và phản kháng mức cung trên thị trường để từ đó hỗ trợ giá khiến cho giá có xu hướng tăng trở lại.

90% cash/10% stocks

Giải ngân thận trọng 10% tiền mặt (nếu chưa nắm giữ cổ phiếu) hoặc giảm tỷ trọng danh mục xuống còn 10% cổ phiếu (nếu đang nắm giữ cổ phiếu).

70% cash/30% stocks

Giải ngân thận trọng 30% tiền mặt (nếu chưa nắm giữ cổ phiếu) hoặc giảm tỷ trọng danh mục xuống còn 30% cổ phiếu (nếu đang nắm giữ cổ phiếu).

50% cash/50% stocks

Giải ngân tối đa 50% tiền mặt (nếu chưa nắm giữ cổ phiếu) hoặc giữ tỷ trọng danh mục ở mức 50% cổ phiếu (nếu đang nắm giữ cổ phiếu).

30% cash/70% stocks

Giải ngân tối đa 70% tiền mặt (nếu chưa nắm giữ cổ phiếu) hoặc tăng tỷ trọng danh mục lên mức 70% cổ phiếu (nếu đang nắm giữ cổ phiếu).

Đồ thị phân tích kỹ thuật



Chỉ báo kỹ thuật

ACC	↑	Tích cực	MFI	↓	Tiêu cực
%R	↓	Tiêu cực	POS	↓	Tiêu cực
Stochastic	↓	Tiêu cực	ROC	↓	Tiêu cực
CCI	↓	Tiêu cực	ADX	↓	Tiêu cực
RSI	↓	Tiêu cực	MACD	↓	Tiêu cực

Mức hỗ trợ

Mức kháng cự

Mạnh	5.0	Mạnh	11.0
Trung bình	6.0	Trung bình	9.0
Yếu	7.0	Yếu	8.0

Nhận định và khuyến nghị

Nhận định: Dựa vào chuyển động của các chỉ báo kỹ thuật, chúng tôi cho rằng TLH sẽ kiểm tra vùng hỗ trợ gần nhất 6.0 - 7.0.

Khuyến nghị: Giải ngân một phần danh mục tại vùng hỗ trợ 6.0 - 7.0. Chốt lời ngắn hạn tại vùng kháng cự 8.0 - 9.0. Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 90% cash/ 10% stocks. Tỷ lệ sinh lời kỳ vọng 30%.

Phụ lục:

Cân đối kế toán (triệu đồng)	Q3/2015	Q4/2015	Q1/2016	Báo cáo KQKD (triệu đồng)	Q3/2015	Q4/2015	Q1/2016
TÀI SẢN				1. Doanh số	785.720	1.262.222	1.008.461
A. Tài sản ngắn hạn	1.693.517	1.209.758	1.276.557	2. Các khoản giảm trừ	(323)	(313)	(6)
I. Tiền và tương đương tiền	92.215	98.468	126.720	3. Doanh số thuần	785.397	1.261.909	1.008.456
II. Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	17.022	17.227	14.385	4. Giá vốn hàng bán	(747.520)	(1.389.399)	(878.648)
III. Các khoản phải thu	517.658	314.068	333.494	5. Lãi gộp	37.877	(127.491)	129.807
IV. Hàng tồn kho, ròng	1.046.403	765.446	789.672	6. Thu nhập tài chính	2.721	840	1.492
V. Tài sản lưu động khác	20.219	14.549	12.286	7. Chi phí tài chính	(21.009)	(19.760)	(13.048)
B. Tài sản dài hạn	571.809	602.100	605.051	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(13.994)	(18.846)	(11.905)
I. Phải thu dài hạn	1	1	1	8. Chi phí bán hàng	(8.258)	(12.135)	(10.208)
II. Tài sản cố định	316.299	340	335.882	9. Chi phí DLDN	(8.001)	(19.799)	(7.533)
III. Giá trị ròng tài sản đầu tư				10 Lãi/(lỗ) từ HĐKD	4.150	(188.123)	105.641
IV. Đầu tư dài hạn	174.252	164.474	170.199	11. Thu nhập khác	315	3.557	1.719
V. Tài sản dài hạn khác	15.176	12.939	12.731	12. Chi phí khác	(904)	(6.851)	(302)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.265.326	1.811.858	1.881.608	13. Thu nhập khác, ròng	(588)	(3.293)	1.417
NGUỒN VỐN				13b. Lãi/(lỗ) từ ct liên doanh	-	-	-
A. Nợ phải trả	1.237.064	971.390	935.415	14. Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	3.561	(191.416)	107.059
I. Nợ ngắn hạn	1.236.373	970.623	935.233	15. Thuế TNDN – hiện thời	(1.597)	6.827	(1.332)
II. Nợ dài hạn	691	767	182	16. Thuế TNDN – hoãn lại	-	(2.008)	-
B. Vốn chủ sở hữu	1.010.903	840.467	946.194	17. Chi phí thuế TNDN	(1.597)	4.819	(1.332)
I. Vốn và các quỹ	1.010.903	840.467	946.194	18. Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	1.964	(186.597)	105.726
II. Vốn NSNN và quỹ khác	-	-	-	19. Lợi ích cổ đông thiểu số	(362)	(3.439)	1.851
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	17.359	-	-	20. Cổ đông của Công ty mẹ	2.327	(183.159)	103.876
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.265.326	1.811.858	1.881.608	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	-

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tỷ đồng)	Q3/2015	Q4/2015	Q1/2016	Chỉ tiêu tài chính	Q3/2015	Q4/2015	Q1/2016
I. Lưu chuyển từ HĐKD				Sức khỏe tài chính			
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ HĐSXKD	(206,18)	316,15	106,70	Tỷ suất thanh toán tiền mặt	0,07	0,10	0,14
II. Lưu chuyển từ HĐĐT				Tỷ suất thanh toán nhanh	0,52	0,36	0,44
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ HĐĐT	8,95	(47,64)	(2,04)	Tỷ suất thanh toán hiện thời	1,37	1,25	1,37
III. Lưu chuyển từ HĐTC				Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	-	-	-
Lưu chuyển tiền tệ từ HĐTC	173,50	(262,26)	(76,41)	Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	1,09	1,00	0,80
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(23,73)	6,25	28,25	Hiệu quả hoạt động			
Tiền và các khoản tđ tiền đầu kỳ	115,95	92,22	98,47	ROE %	2,41	n/a	n/a
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	-	-	-	ROCE %	n/a	n/a	n/a
Tiền và các khoản tđ tiền cuối kỳ	92,22	98,47	126,72	ROA %	1,08	n/a	n/a

Diễn giải

Khuyến nghị	Diễn giải
Kỳ vọng 12 tháng	
Mua	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường trên 15%
Nắm giữ	Nếu giá mục tiêu so với giá thị trường từ -15% đến 15%
Bán	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường dưới -15%

Khuyến cáo

Khuyến cáo

Chúng tôi chỉ sử dụng trong báo cáo này những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư. Tài liệu này sẽ không được coi là một hình thức chào bán hoặc lôi kéo khách hàng đầu tư vào bất kì cổ phiếu nào. ASEAN SECURITIES cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. ASEAN SECURITIES sẽ không chịu trách nhiệm với bất kì thông tin nào không nằm trong phạm vi báo cáo này. Nhà đầu tư phải cân nhắc kĩ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và ASEAN SECURITIES hoàn toàn không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó. Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp và sẽ không được công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông, nghiêm cấm bất kì sự sao chép và phân phối lại đối với tài liệu này.

Hội sở chính
Trụ sở: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội
Tel: (84 - 4)6 275 3844;
TLHline: 19006636
Fax: (84 - 4)6 275 3816
Tổng đài đặt lệnh: (84 - 4)6 275 8888

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà 31-33-35 Hàm Nghi, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84 - 8)3 824 6468
Fax: (84 - 8)3 824 6550
Tổng đài đặt lệnh: (84 - 8)3 829 9090